

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH**

**KẾ HOẠCH  
SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP NĂM 2015**



*Hà Tĩnh, tháng 10 năm 2014*



Hà Tĩnh, ngày 23 tháng 10 năm 2014

## **KẾ HOẠCH** **SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP NĂM 2015**

### **Phần I**

#### **TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP NĂM 2014**

Thực hiện Kế hoạch sản xuất nông nghiệp năm 2014 trong điều kiện có một số thuận lợi cơ bản, đó là: Các chính sách triển khai thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW; Nghị quyết 08-NQ/TU tiếp tục đi vào thực tiễn cuộc sống, tạo động lực phát triển nông nghiệp, nông thôn. Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững; Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành các đề án, kế hoạch tái cơ cấu trên từng lĩnh vực nông, lâm, thủy sản và chỉ đạo thực hiện quyết liệt. Được sự quan tâm chỉ đạo, giúp đỡ kịp thời, có hiệu quả của Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương, của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh; sự nỗ lực của cộng đồng doanh nghiệp và bà con nông dân.

Bên cạnh một số thuận lợi, sản xuất nông nghiệp còn gặp khó khăn như: Ảnh hưởng của suy thoái, nền kinh tế trong nước phục hồi chậm, thị trường tiêu thụ khó khăn, giá bán nhiều hàng hóa nông sản giảm; các loại dịch bệnh nguy hiểm trên đàn gia cầm, gia súc, tôm nuôi tái phát và diễn biến phức tạp... đã làm ảnh hưởng lớn đến tâm lý đầu tư và đời sống người sản xuất.

Phát huy thuận lợi, khắc phục khó khăn, UBND tỉnh đã ban hành Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, gắn với xây dựng nông thôn mới, cơ chế chính sách thực hiện tái cơ cấu; ưu tiên bố trí kinh phí và chỉ đạo, tổ chức thực hiện quyết liệt, có hiệu quả nên kết quả tái cơ cấu sản xuất nông nghiệp năm 2014 đạt khá cao, toàn diện, hầu hết các chỉ tiêu đều tăng cao hơn năm trước.

#### **I. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch tái cơ cấu sản xuất nông nghiệp**

Giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản ước cả năm (theo giá so sánh) đạt 10.472 tỷ đồng, đạt 98,7% kế hoạch, tăng 4,34% so với năm 2013; giá trị sản xuất (theo giá hiện hành) ước đạt 14.137 tỷ đồng (tăng 5,7%), trong đó: Nông nghiệp 11.431 tỷ đồng, lâm nghiệp 1.092 tỷ đồng, thủy sản 1.614 tỷ đồng; giá trị sản xuất trên đơn vị diện tích đạt 65 triệu đồng/ha; tỷ trọng giá trị sản xuất chăn nuôi chiếm 44,18% trong cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp; sản lượng lương thực ước cả năm đạt 53,8 vạn tấn, vượt 1,5% kế hoạch, tăng 6,5% so với năm 2013; sản lượng thịt hơi các loại 87.800 tấn, đạt 100% kế hoạch, tăng 11,7% so với năm 2013; tổng sản lượng thủy sản 43.400 tấn, đạt 100% kế hoạch, tăng 3,1% so với năm 2013.

#### **1. Kết quả phát triển các sản phẩm hàng hóa nông nghiệp chủ lực có lợi thế (lợn, bò, hươu, tôm, rau củ quả, cam, bưởi)**

*1.1. Lợn:* Tổng đàn (có mặt thường xuyên) 473.270 con, đạt 100% kế hoạch,

tăng 18% so với năm 2013; trong đó lợn nái ngoại chiếm 17% tổng đàn nái; sản lượng thịt hơi xuất chuồng đạt 65.900 tấn, đạt 100% kế hoạch, tăng 14,9% so với năm 2013.

Tiếp tục thực hiện tái cơ cấu đàn lợn giống theo hướng tạo dòng sản phẩm đồng nhất, có chất lượng cao, áp dụng công nghệ nuôi tiên tiến gắn với xây dựng thương hiệu; hoàn thành việc xây dựng và đưa vào hoạt động 5 cơ sở lợn nái ngoại (quy mô trên 300 nái), nâng số cơ sở cấp ông, bà, bố mẹ hiện nay lên 22 cơ sở (quy mô từ 50-2.000 nái/cơ sở). Phát triển trang trại chăn nuôi lợn quy mô lớn liên kết với doanh nghiệp theo chuỗi giá trị, phát triển bền vững, hiện có 121 cơ sở (quy mô 300-6.000 con/cơ sở) liên kết với Tổng Công ty Khoáng sản và TM Hà Tĩnh, Công ty Chăn nuôi CP Việt Nam, tăng 8 cơ sở so với năm 2013. Tập trung tổ chức lại chăn nuôi nông hộ theo hướng công nghiệp, áp dụng công nghệ cao<sup>1</sup> theo hình thức liên kết giữa hộ gia đình với doanh nghiệp thông qua HTX, THT. Năm 2014, thành lập mới 125 THT và 02 HTX chăn nuôi lợn liên kết quy mô nhỏ (từ 20-80 con/hộ), với 1.567 hộ tham gia, trong đó có 34 THT đã đưa giống vào sản xuất. Kết quả bước đầu cho thu nhập khá từ 350 - 700 ngàn đồng/con/lứa.

*1.2. Bò:* Tổng đàn 192.850 con, đạt 95% kế hoạch, tăng 19% so với năm 2013, trong đó bò lai Zêbu chiếm 37% tổng đàn, tăng 6%; sản lượng thịt hơi xuất chuồng ước đạt 7.500 tấn, đạt 95% kế hoạch.

Triển khai mô hình sản xuất thử bò thịt Charolaise liên kết theo chuỗi với Tổng Công ty KS&TM Hà Tĩnh tại 3 huyện Đức Thọ, Can Lộc, Nghi Xuân đạt được thành công bước đầu, đã lai tạo được được 61 con bê lai, có khối lượng sơ sinh lớn (đạt 25 - 30 kg/con), tăng trọng bình quân 0,6 - 0,8 kg/con/ngày, cao hơn 20 - 25% so với nhóm bò lai Zêbu. Tổng Công ty đã hoàn thành đầu tư xây dựng chuồng trại, trồng 8 ha cỏ tại xã Phú Lộc, tiến hành mua bê lai Charolaise về nuôi tập trung. Hiện nay, Tổng Công ty KS&TM Hà Tĩnh đã hoàn thành việc điều tra, lựa chọn đàn nái nền, nhập ngoại (từ Pháp) 8.000 liều tinh bò chất lượng cao (Charolaise, 3 B, Drounghtmaster, ...) để lai tạo đàn bò chuyên thịt (đã phối có chửa 300 con), đang chuẩn bị các điều kiện để nhập ngoại bò giống 100% máu ngoại từ Úc, Canada,... Phát triển chăn nuôi bò sữa liên kết với Công ty CP sữa Việt Nam tại huyện Hương Sơn và Can Lộc (hiện đã nhập 550 con bò sữa nuôi tại Hương Sơn, Can Lộc, trong đó có 400 con nhập từ Úc để nhân giống).

*1.3. Hươu:* Tổng đàn 39.800 con, đạt 86% kế hoạch; sản lượng nhung 14,32 tấn, đạt 93,5% kế hoạch, tăng 16,4% so với năm 2013.

*1.4. Tôm:* Diện tích thả nuôi 2.064ha, đạt 100% kế hoạch, tăng 1% so với năm 2013; sản lượng ước đạt 3.100 tấn, đạt 100% kế hoạch, tăng 28% so với năm 2013;

Giảm diện tích nuôi tôm sú từ 670ha năm 2013 xuống 600ha, tăng diện tích nuôi tôm thẻ chân trắng đạt từ 1.380ha năm 2013 lên 1.464ha. Phát triển nhanh diện tích nuôi tôm thâm canh, công nghiệp, an toàn sinh học, giảm dần nuôi quảng canh, bán thâm canh: Diện tích nuôi quảng canh, bán thâm canh giảm từ 1.440ha năm

<sup>1</sup> Thực hiện mô hình quy chuẩn: Giống siêu nạc, thức ăn công nghiệp, chuồng trại đảm bảo kỹ thuật, máng ăn tự động, xử lý chất thải bằng biogas.

2013 xuống còn 1.323ha vào năm 2014; nuôi thâm canh, công nghệ cao 431ha, tăng 44% so với năm 2013. Công tác sản xuất giống có bước phát triển, thu hút một số doanh nghiệp: Công ty Cổ phần thủy sản Thông Thuận Hà Tĩnh, Công ty Cổ phần Hoàng Dương... đầu tư xây dựng các cơ sở sản xuất giống tôm thẻ chân trắng; hiện nay, đã ương dưỡng được 110 triệu con tôm giống, đáp ứng 27,5% nhu cầu giống thả nuôi toàn tỉnh, tăng 38% so với năm 2013; khởi công xây dựng Trại sản xuất tôm giống với công suất 3-3,5 tỷ post/năm tại huyện Nghi Xuân.

**1.5. Rau thực phẩm các loại:** Diện tích ước cả năm 10.832ha, đạt 93,4% kế hoạch, tăng 10,5% so với năm 2013; năng suất bình quân 65,6 tạ/ha; sản lượng 71.036 tấn, đạt 89% kế hoạch, tăng 16,9% so với năm 2013.

Thực hiện thành công mô hình sản xuất rau, củ, quả công nghệ cao trên vùng đất cát hoang hóa ven biển; khảo nghiệm, xác định được một số giống thích ứng và có hiệu quả cao<sup>2</sup>, đạt năng suất từ 25-40 tấn/ha, giá trị thu nhập 75-120 triệu đồng/ha, tạo ra hướng phát triển mới để chuyển đổi cây trồng, tạo việc làm cho người dân tại các vùng bãi ngang, vùng bãi bồi ven sông.

**1.6. Cam:** Diện tích trồng mới 217ha, nâng tổng diện tích lên 2.744ha, trong đó diện tích cho sản phẩm 1.750ha; năng suất bình quân 82,4 tạ/ha; sản lượng ước đạt 14.417 tấn, đạt 84,8% kế hoạch, tăng 1% so với năm 2013.

**1.7. Bưởi Phúc Trạch:** Diện tích trồng mới 127ha, nâng tổng diện tích lên 1.434ha, diện tích cho sản phẩm 1.092ha; năng suất 88,9 tạ/ha, sản lượng 9.705 tấn, đạt 84,5% kế hoạch, tăng 1,6% so với năm 2013. Chuyển giao thành công phương pháp thụ phấn bổ sung, kỹ thuật bao quả cho cây bưởi Phúc Trạch giúp tăng năng suất và chất lượng sản phẩm bưởi.

**2. Kết quả phát triển các sản phẩm nông nghiệp hàng hóa chủ lực khác (lúa, lạc, chè, gia cầm, gỗ nguyên liệu rừng trồng, cao su, thủy nuôi trồng, đánh bắt có giá trị cao)**

**2.1. Lúa:** Diện tích gieo cấy 100.981ha, vượt 5,3% kế hoạch, tăng 2.307ha so với năm 2013; năng suất đạt mức cao nhất từ trước đến nay, bình quân ước đạt 50,39 tạ/ha, tăng 1,85 tạ/ha so với năm 2013 (trong đó: vụ Xuân đạt 56,09 tạ/ha, tăng 2,2% so với vụ Xuân 2013; vụ Hè Thu 44,04 tạ/ha, tăng 5,9% so với vụ Hè Thu 2013; vụ Mùa ước đạt 18,37 tạ/ha); sản lượng lúa cả năm ước đạt 50,8 vạn tấn, vượt 2,6% kế hoạch, tăng 6,2% so với năm 2013.

Chuyển mạnh về cơ cấu mùa vụ, cơ bản xóa bỏ được trà Xuân sớm, tăng nhanh diện tích lúa trà Xuân muộn (chiếm 84% tổng diện tích); cơ cấu lại bộ giống lúa chủ lực theo hướng ngắn ngày, có năng suất và chất lượng, thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm mạnh về số lượng giống trên trà gieo cấy<sup>3</sup>; diện tích lúa sản xuất hàng hóa, chất lượng cao 37.500ha, chiếm 37% tổng diện tích.

**2.2. Ngô:** Diện tích cả năm 8.326ha, đạt 94% kế hoạch, tăng 7,7% so với năm 2013; năng suất bình quân 36,11 tạ/ha, tăng 1,27 tạ/ha; sản lượng đạt 3,6 vạn tấn đạt 86% kế hoạch, tăng 11,7% so với năm 2013. Hiện nay, Tổng Công ty

<sup>2</sup> Như: củ cải trắng lớn, củ cải trắng nhỏ, cải bẹ...

<sup>3</sup> Giảm từ trên 44 giống năm 2011 xuống còn 11 giống chủ lực/vụ năm 2014;

Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh đang triển khai mô hình liên kết với hộ dân để trồng ngô làm thức ăn chăn nuôi; Vụ Đông Xuân năm 2014 đã ký hợp đồng với huyện Hương Khê sản xuất 2.000ha ngô làm nguyên liệu phục vụ Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi Thiên Lộc và 1.000ha làm thức ăn xanh phục vụ chăn nuôi bò thịt chất lượng cao tại các huyện: Can Lộc, Thạch Hà,...

2.3. *Lạc*: Diện tích cả năm 17.334ha, đạt 92,7% kế hoạch; năng suất bình quân 22,06 tạ/ha, giảm 1,5 tạ/ha; sản lượng đạt 38.268 tấn, đạt 84% kế hoạch.

2.4. *Chè công nghiệp*: Diện tích 1.007ha, trong đó diện tích trồng mới 38 ha; diện tích đưa vào kinh doanh 849ha; năng suất bình quân đạt 102,2 tạ/ha, sản lượng ước đạt 8.673 tấn, vượt 32% kế hoạch, tăng 78% so với năm 2013.

2.5. *Gia cầm*: Tổng đàn 6,1 triệu con đạt 100% kế hoạch sản lượng thịt hơi xuất chuồng ước đạt 10.500 tấn, bằng 100% kế hoạch, tăng 2% so với năm 2013; sản lượng trứng ước đạt 220 triệu quả, đạt 100% kế hoạch.

2.6. *Gỗ nguyên liệu rừng trồng*: Trồng cây nguyên liệu gỗ rừng trồng 5.728ha, tăng 4% so với năm 2013; sản lượng khai thác ước đạt 285.000m<sup>3</sup>, đạt 100% kế hoạch.

2.7. *Cao su*: Trồng mới ước đạt 1.000ha, nâng tổng diện tích lên 11.720ha; diện tích khai thác mù 1.971ha (giảm 696ha so với năm 2013), năng suất bình quân 10 tạ/ha, sản lượng mù khô 1.971 tấn, đạt 60% kế hoạch, giảm 26,1% so với năm 2013.

2.8. *Thủy nuôi trồng, đánh bắt có giá trị cao*: Sản lượng nuôi trồng ước đạt 12.800 tấn, đạt 100% kế hoạch; sản lượng khai thác ước đạt 30.600 tấn, đạt 100% kế hoạch.

Phát triển nuôi lồng bè trên sông, hồ đập với các đối tượng có giá trị kinh tế cao (cá chẽm, cá hồng mỹ, cá lăng, leo...). Giảm dần khai thác vùng ven bờ, tăng vùng lồng và vùng khơi, với các nghề mới: Rê khơi, câu khơi, bóng ghe, bóng mực, chụp mực, chụp cá...; giảm tỷ trọng khai thác ven bờ còn 35% (giảm 2% so năm 2013), tăng tỷ trọng khai thác vùng khơi lên 26% (tăng 2% so năm 2013). Tăng nhanh đội tàu đánh bắt xa bờ, hiện có 160 chiếc (công suất trên 90CV), tăng 39 chiếc so với năm 2013; giảm đội tàu đánh bắt ven bờ từ 77% xuống 72,8% (công suất dưới 20CV). Hình thành 49 tổ, đội sản xuất trên biển, gắn với thành lập các nghiệp đoàn nghề cá.

### **3. Các chỉ tiêu khác**

3.1. *Trâu*: Tổng đàn 79.270 con, đạt 80% kế hoạch; sản lượng thịt hơi xuất chuồng ước đạt 3.900 tấn, vượt 11% kế hoạch.

3.2. *Lâm sinh*: Trồng rừng phòng hộ, đặc dụng 1.329 ha, trồng cây phân tán 4 triệu cây, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng 1.064ha, chuyển hóa rừng giống 100ha, đạt 100% kế hoạch. Độ che phủ rừng 52,5%.

3.3. *Sản xuất muối*: Diện tích sản xuất muối 140ha, bằng cùng kỳ năm 2013; sản lượng muối 18.000 tấn, trong đó sản lượng muối đưa vào chế biến ước đạt 8.500 tấn, tăng 6,3% so với năm 2013.

## **II. Kết quả các hoạt động phục vụ phát triển sản xuất, công tác quản lý nhà nước và thực hiện các chính sách**

### **1. Xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp**

Xây dựng đưa vào khai thác hạ tầng giao thông, diện vùng nuôi tôm trên cát tại 3 huyện (Cẩm Xuyên, Thạch Hà, Nghi Xuân); nâng cấp, sửa chữa các hồ chứa: Hồ Khe Con - Tàu voi, Hồ Rú Mạo, Hồ Khe Sắn (huyện Hương Khê), Hồ Gò Đá (Kỳ Anh); kiến cố hóa đê các tuyến kênh chính: Kênh N1- Sông Rác, Kênh Bắc Sông Rác, N2-9 Kè Gõ, N1-9 Kè Gõ, Kênh N3- Cửa Thờ, kênh trạm bơm Khánh Lộc; các công trình, dự án: Hệ thống thủy lợi Ngân Trươi - Cẩm Trang, Kênh trục Sông Nghèn, đê Phúc - Long - Nhưộng, các cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu thuyền đang được đẩy nhanh tiến độ thực hiện.

Triển khai Kế hoạch phát triển giao thông nông thôn, kiên cố kênh mương nội đồng theo cơ chế hỗ trợ xi măng năm 2014 đạt kết quả khá; đến nay đã xây dựng được 95km kênh mương thủy lợi nội đồng, đạt 37% kế hoạch; làm mới được 596,7km đường bê tông giao thông nông thôn các loại, đạt 63,1 % kế hoạch.

### **2. Ứng dụng khoa học, công nghệ, áp dụng cơ giới vào sản xuất nông nghiệp, đào tạo nghề, phát triển các hình thức tổ chức sản xuất**

- Nhiều tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới được chuyển giao, ứng dụng đưa vào sản xuất góp phần tăng năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế; áp dụng công nghệ nuôi bò thịt chất lượng cao, nuôi lợn thịt siêu nạc, lợn nái ngoại, nuôi gà thịt an toàn sinh học, nuôi tôm trên cát, nuôi tôm trong nhà bạt, ao lót bạt, nuôi cá lồng bè trên sông, quy trình sản xuất rau, củ, quả công nghệ cao trên vùng đất cát hoang hóa ven biển, sản xuất theo hướng VietGap, quản lý dịch hại tổng hợp IPM,...; sản xuất thử một số giống có năng suất cao như: Thiên ưu 8, TH3-5, OM4218, khảo nghiệm giống CXT30, LH12... để đánh giá, lựa chọn nhằm bổ sung vào bộ giống lúa chủ lực.

- Cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp được đẩy mạnh, tỷ lệ cơ giới hoá tăng nhanh: Khâu làm đất đạt 63,5%, tăng 7,8% so với năm 2013; thu hoạch 51,5%, tăng 12,1%; vận chuyển nông thôn 60%, chế biến lâm sản 80%; một số địa phương có tỷ lệ cơ giới hóa cao như: Cẩm Xuyên, Can Lộc,...

- Nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho nông dân, để thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp, năm 2014 ước thực hiện được 140 lớp, với 4.655 học viên; trong đó: Kỹ thuật chăn nuôi lợn 1.225 người, kỹ thuật chăn nuôi bò 350 người, kỹ thuật chăn nuôi gà 1.925 người, kỹ thuật trồng cây ăn quả 420 người, kỹ thuật trồng rau an toàn 350 người, kỹ thuật trồng nấm 140 người, trồng lúa 70 người; kỹ thuật thú y 175 người.

- Kinh tế trang trại, hợp tác xã, tổ hợp tác đã và đang có những bước phát triển mạnh mẽ; ước cả năm thành lập mới 70 HTX, nâng tổng số hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp lên 408 HTX; thành lập thêm 297 THT, nâng tổng số lên 492 THT; phát triển thêm 5 trang trại, nâng tổng số lên 142 trang trại đạt các tiêu chí mới theo Thông tư số 27/2011/TT-BNN&PTNT ngày 13/04/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

### **3. Kết quả công tác quản lý nhà nước**

- Công tác quản lý nhà nước về chất lượng vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản tiếp tục được tăng cường, cơ bản đáp ứng yêu cầu sản xuất, tiêu dùng: Đã tổ chức kiểm tra, đánh giá xếp loại về điều kiện sản xuất

kinh doanh cho 99 cơ sở đầu mỗi cấp tỉnh quản lý<sup>4</sup>, lấy 100 mẫu sản phẩm: Giống, phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc BVTV để kiểm tra chất lượng<sup>5</sup>, phối hợp Cục Trồng trọt xử lý các cơ sở vi phạm theo quy định của pháp luật. Tiến hành 06 đợt kiểm tra, giám sát ATTP tại các cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản, vùng sản xuất rau theo hướng VietGAP, sản xuất rau, củ, quả công nghệ cao; lấy 724 mẫu sản phẩm<sup>6</sup> kiểm nghiệm các chỉ tiêu về an toàn thực phẩm.

*(Kết quả Đoàn thanh tra toàn diện về hoạt động sản xuất, kinh doanh giống, vật tư nông nghiệp trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 2663/QĐ-UBND ngày 15/9/2014 của UBND tỉnh có báo cáo riêng).*

- Bảo vệ thực vật: Đã chủ động, điều tra, phát hiện dự tính, dự báo kịp thời, chính xác; chỉ đạo, hướng dẫn người dân thực hiện có hiệu quả các biện pháp phòng trừ các đối tượng dịch hại trên cây trồng; nhất là đã phòng trừ kịp thời, có hiệu quả sâu cuốn lá phát sinh gây hại trên diện rộng trong vụ Hè Thu.

- Thú y: Triển khai kịp thời, đồng bộ các giải pháp phòng, chống dịch bệnh trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản nên các ổ dịch LMLM gia súc, cúm gia cầm, đốm trắng và hoại tử gan tụy trên tôm cơ bản đã được khống chế, dập tắt ở diện hẹp. Thực hiện Đề án phòng chống một số bệnh truyền nhiễm thường gặp trong chăn nuôi và nuôi tôm, đến nay 22/22 xã thí điểm kiện toàn Ban Chăn nuôi thú y và tổ giám sát dịch bệnh thủy sản, 21/22 xã ban hành quy chế phòng chống dịch bệnh trong chăn nuôi và nuôi tôm, 4/12 xã đã hoàn thành hồ sơ đăng ký xây dựng cơ sở an toàn dịch bệnh. Kiện toàn công tác kiểm dịch, kiểm soát giết mổ, xây dựng mới và đưa vào hoạt động 03 cơ sở giết mổ gia súc tập trung<sup>7</sup>, hiện đang đẩy nhanh tiến độ để đưa vào hoạt động thêm 05 cơ sở<sup>8</sup>. Thực hiện tốt công tác kiểm soát giết mổ tận gốc, cơ bản xóa bỏ tình trạng lãn đầu thu lệ phí tại chợ.

- Công tác quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng được tăng cường, tập trung cao chỉ đạo thực hiện; chỉ đạo quyết liệt công tác bảo vệ rừng tận gốc, bảo vệ 202.996 lượt ha, trong đó rừng phòng hộ 88.530 lượt ha; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các cơ sở kinh doanh, chế biến lâm sản, kịp thời phát hiện các hành vi vi phạm, xử lý theo quy định<sup>9</sup>. Cũng cố, kiện toàn Ban Chỉ đạo PCCCR từ cấp tỉnh, huyện và chủ rừng<sup>10</sup>, triển khai kịp thời, đồng bộ các giải pháp nên hạn chế tối đa thiệt hại do cháy rừng gây ra.

Công tác giao rừng, cho thuê rừng: Đến nay, đã có 147/147 xã hoàn thành việc xây dựng phương án cấp xã, với diện tích 55.842ha để giao cho các hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư thôn<sup>11</sup>; đã đo vẽ địa chính, đánh giá đặc điểm

<sup>4</sup> Kết quả: Loại A là 13 cơ sở, chiếm 13,13%, loại B là 86 cơ sở, chiếm 86,87%.

<sup>5</sup> Phát hiện 01 lô phân bón, 03 lô giống lúa kém chất lượng, 01 lô giống không thực hiện công bố hợp quy.

<sup>6</sup> Thủy sản: 104, rau, củ, quả: 450, thịt và các sản phẩm từ thịt: 105, chè: 20.

<sup>7</sup> Cẩm Bình, Cẩm Xuyên, Thạch Đài, Thạch Hà, Đức Dũng, Đức Thọ, Song Lộc, Can Lộc.

<sup>8</sup> Cẩm Xuyên: 4, Lộc Hà: 1

<sup>9</sup> Đến ngày 30/9/2014, xử lý 281 vụ vi phạm, thu 390,9 m<sup>3</sup> gỗ các loại, 25 kg động vật các loại, thu nộp ngân sách nhà nước 2,47 tỷ đồng.

<sup>10</sup> Thành lập 346 tổ đội phòng chống cháy rừng; làm mới và tu sửa 135,2 km đường băng cản lửa, 94 chòi canh, 472 biển tường, 2.451 biển báo, xử lý thực bì, mua sắm tu sửa dụng cụ...;

<sup>11</sup> Gồm: Hộ gia đình đang quản lý 10.128 ha; UBND xã quản lý 26.664 ha; thu hồi từ các chủ rừng Nhà nước là 19.050 ha;

khu rừng 30.809 ha/13.032 hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư thôn, đạt 55,17% phương án, trong đó đã cấp GCNQSD đất 1.677ha/910 hộ gia đình.

- Công tác đăng ký, đăng kiểm tàu cá được thực hiện chặt chẽ, kịp thời, đúng quy định, đến nay 100% tàu cá trên địa bàn tỉnh được đăng ký, đăng kiểm. Tổ chức 06 đợt tuần tra trên sông, biển, tuyên truyền bảo vệ nguồn lợi thủy sản và xử lý các trường hợp vi phạm trong khai thác thủy sản.

#### **4. Kết quả một số hoạt động dịch vụ phục vụ sản xuất**

- Dịch vụ cung ứng giống, phân bón: Các đơn vị, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh trên địa bàn đã bám sát các đề án sản xuất mùa vụ, kịp thời cung ứng đủ số lượng giống, phân bón phục vụ sản xuất; kết quả hoạt động sản xuất, cung ứng của một số doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh: Công ty CP Giống cây trồng Trung ương cung ứng: 700 tấn giống lúa, 100 tấn giống lạc; Công ty TNHH Giống, VNTNN Mitraco: 500 tấn giống lúa; Công ty Cổ phần Vật tư nông nghiệp Hà Tĩnh: 1.200 tấn phân bón các loại; Công ty CP Chăn nuôi Mitraco, Công ty CP Phát triển Nông Lâm thuộc Tổng Công ty KS và TM Hà Tĩnh sản xuất, cung ứng 1.900 con lợn nái ngoại cấp bố mẹ, 85.000 con giống thương phẩm cho các cơ sở nuôi lợn liên kết quy mô lớn và 11.500 con giống lợn cho phát triển chăn nuôi theo hình thức liên kết sản xuất quy vừa và nhỏ với các hộ dân thông qua HTX, THT; Công ty Chăn nuôi CP Việt Nam sản xuất, cung ứng 2.400 con lợn giống nái bố, mẹ và 85.400 con lợn giống cho các trang trại liên kết vệ tinh; Công ty Jafa sản xuất, cung ứng hơn 120.000 con giống gà thịt nuôi thương phẩm.

- Dịch vụ thủy nông: Các công ty, đơn vị quản lý khai thác công trình thủy lợi bám sát đề án sản xuất, xây dựng lịch tưới, tổ chức vận hành hiệu quả các công trình, đảm bảo cấp đủ nước tưới phục vụ cho sản xuất; triển khai phong trào ra quân làm thủy lợi nội đồng, đến nay đã huy động hơn 400.246 nhân công, tổ chức nạo vét 2.049 km kênh mương các loại, sửa chữa, làm mới 1.502 công tưới, tiêu nội đồng, sửa chữa 30 hạng mục công trình đầu mối.

#### **5. Kết quả thực hiện các chính sách**

- Tổng kinh phí ngân sách tỉnh hỗ trợ, khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp cả năm 2014 ước đạt **101,679 tỷ đồng**, trong đó:

+ Chính sách khuyến khích phát triển sản xuất (theo các Quyết định số 24, 11): 22,7 tỷ đồng;

+ Chính sách khuyến khích phát triển rau, củ, quả công nghệ cao theo Quyết định 135: 2,7 tỷ đồng;

+ Dự kiến Chính sách theo Nghị quyết 90/2014/NQ-HĐND ngày 16/7/2014 của HĐND tỉnh: 57,5 tỷ đồng;

- Chính sách hỗ trợ lãi suất vay vốn (theo Quyết định số 26, 23): 9 tháng đầu năm 2013, doanh số cho vay đạt 473 tỷ đồng, số tiền hỗ trợ lãi vay là 23,9 tỷ đồng.

### **III. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm**

#### **1. Tồn tại, hạn chế:**

- Giá trị sản xuất nông nghiệp năm 2014 (theo giá so sánh) chưa đạt kế hoạch đề ra, đạt 98,7%.



- Kết quả thực hiện các chỉ tiêu tái cơ cấu sản xuất nông nghiệp còn thấp, chưa tương xứng với sự quan tâm chỉ đạo quyết liệt của Bộ, ngành Trung ương, Tỉnh ủy và UBND tỉnh:

+ Chuyển đổi cơ cấu cây trồng còn hạn chế, diện tích đất trồng lúa còn lớn; việc mở rộng diện tích cam, bưởi, rau, củ, quả chất lượng cao chưa nhiều; chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa kém hiệu quả đạt kết quả thấp, toàn tỉnh chuyển đổi được 273ha (vụ Xuân: 120ha, vụ Hè Thu: 153ha); còn xảy ra tình trạng nông dân bỏ ruộng, với diện tích 2.053ha (vụ Xuân: 446ha, vụ Hè Thu 1.587ha), một số huyện có diện tích bỏ hoang lớn: Hương Khê (576,5ha), Lộc Hà (465.6ha), Thạch Hà (371,3ha), Hương Sơn (221,7ha), Nghi Xuân (109,5ha).

+ Diện tích (tổng đàn), năng suất, sản lượng một số sản phẩm chủ lực không đạt chỉ tiêu kế hoạch: Bò tổng đàn, sản lượng thịt hơi đạt 95%; hươu tổng đàn đạt 86%, sản lượng nhung đạt 88%; rau các loại diện tích đạt 93%, năng suất đạt 96%, sản lượng đạt 89%; cam năng suất đạt 96%, sản lượng đạt 84,8%, bưởi diện tích cho sản phẩm đạt 86%, sản lượng đạt 84,5%; lạc diện tích đạt 92%, năng suất đạt 90%, sản lượng đạt 86%.

- Tổ chức sản xuất các sản phẩm nông nghiệp hàng hóa chủ lực theo phương châm doanh nghiệp hóa sản phẩm, liên kết hóa sản xuất, xã hội hóa đầu tư còn hạn chế.

- Kinh tế tập thể nông nghiệp nhìn chung chưa đáp ứng yêu cầu phát triển, việc thành lập mới, củng cố phát triển hoặc giải thể chưa thực hiện đúng quy định của Pháp luật. Nội lực của HTX, THT ngày càng nhiều khó khăn.

## **2. Nguyên nhân cơ bản của tồn tại, hạn chế**

### *2.1. Nguyên nhân khách quan:*

- Thời tiết diễn biến bất thuận, liên tiếp các đợt không khí lạnh tăng cường gây rét đậm, rét hại ngay từ đầu vụ Xuân, cuối vụ nắng nóng kéo dài làm ảnh hưởng đến công tác gieo tria và giảm năng suất, sản lượng một số cây trồng cạn (lạc, ngô,...), tăng nguy cơ cháy rừng; tình hình dịch bệnh trên gia súc, gia cầm, thủy sản tái phát, diễn biến phức tạp trên phạm vi cả nước và trên địa bàn tỉnh.

- Kinh tế trong nước phục hồi chậm sau suy thoái, giá bán một số sản phẩm nông sản giảm mạnh (như: Thịt lợn, lúa gạo, lạc, cao su,...), trong khi các chi phí đầu vào sản xuất (giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật,...) tăng cao.

- Sản xuất nông nghiệp lợi nhuận thấp, rủi ro cao ảnh hưởng đến tâm lý đầu tư của các doanh nghiệp và bà con nông dân.

### *2.2. Nguyên nhân chủ quan:*

- Việc chỉ đạo triển khai thực hiện chủ trương tái cơ cấu sản xuất nông nghiệp ở một số địa phương chưa thực sự quyết liệt, hiệu quả, nhiều nơi còn lúng túng, chưa tập trung tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc nên kết quả ở diện hẹp trên một số sản phẩm chủ lực.

- Một số địa phương chưa khai thác tốt tiềm năng, thế mạnh để phát triển sản xuất các sản phẩm chủ lực theo hướng liên kết với doanh nghiệp áp dụng mô hình vừa tập trung, vừa phân tán để tạo khối lượng hàng hóa lớn. Nhiều địa phương, cơ sở chưa tập trung chỉ đạo triển khai, tranh thủ tốt nguồn lực của hệ thống các

chính sách nên kết quả đạt thấp. Sự quan tâm của cấp ủy, chính quyền địa phương trong việc củng cố, phát triển các loại hình tổ chức sản xuất còn hạn chế.

- Chưa chỉ đạo triển khai có hiệu quả công tác sản xuất cung ứng giống các sản phẩm nông nghiệp hàng hóa chủ lực nhằm chủ động được nguồn giống có chất lượng phục vụ phát triển sản xuất, nhất là giống lợn chất lượng cao.

- Công tác chuyển đổi, tích tụ ruộng đất còn hạn chế, ruộng đất sản xuất manh mún, gây khó khăn cho ứng dụng khoa học công nghệ, cơ giới hóa các khâu của quá trình sản xuất.

- Kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn tuy được quan tâm đầu tư, nâng cấp nhưng chưa đồng bộ, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng hiện đại, nhất là các hạ tầng thiết yếu, ngoài hàng rào (điện, đường, giao thông,...) tại các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung.

- Về công tác quản lý nhà nước: Công tác chấp hành thời vụ, cơ cấu giống, kỹ thuật thâm canh ở một số địa phương còn chưa nghiêm. Việc giám sát dịch bệnh chưa chặt chẽ, các loại dịch bệnh nguy hiểm trên cây trồng, vật nuôi và nuôi trồng thủy sản còn tái phát và tiềm ẩn nguy cơ cao bùng phát, đe dọa sự phát triển bền vững. Công tác quản lý chất lượng hàng hóa nông nghiệp, an toàn thực phẩm trong sản xuất, chế biến sản phẩm nông sản hiệu quả chưa cao, tình trạng sản xuất, kinh doanh giống, thuốc bảo vệ thực vật, thú y kém chất lượng còn xảy ra. Quản lý bảo vệ rừng ở một số địa phương, chủ rừng chưa tốt, còn để tình trạng khai thác, vận chuyển lâm sản trái phép xảy ra<sup>12</sup>; một số trường hợp để người dân tự ý xẽ phát, lấn chiếm đất, rừng trên lâm phần được giao quản lý nhưng chậm phát hiện, ngăn chặn chưa kịp thời và xử lý không dứt điểm<sup>13</sup>.

### **3. Một số bài học kinh nghiệm**

- *Thứ nhất:* Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, tạo sự đồng thuận cao trong toàn ngành và cả hệ thống chính trị; tập trung chỉ đạo quyết liệt, hiệu quả nhiệm vụ, giải pháp, cơ chế chính sách tái cơ cấu ngành theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, gắn với xây dựng nông thôn mới.

- *Thứ hai:* Tập trung phát triển các sản phẩm nông nghiệp hàng hóa chủ lực nhằm khai thác tiềm năng lợi thế, dư địa tăng trưởng của từng sản phẩm, từng địa phương gắn với 3 vùng sinh thái, nhất là các sản phẩm hàng hóa chủ lực có lợi thế: Lợn; bò; hươu; tôm; rau củ quả; cam; bưởi.

- *Thứ ba:* Giống, khoa học công nghệ, thị trường tiêu thụ sản phẩm là động lực then chốt, yếu tố quyết định thành công chủ trương tái cơ cấu sản xuất nông nghiệp và tăng giá trị gia tăng; phát huy vai trò của doanh nghiệp trong ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ và phát triển thị trường tiêu thụ để tạo bước đột phá phát triển sản xuất các sản phẩm hàng hóa nông nghiệp chủ lực.

- *Thứ tư:* Tổ chức lại sản xuất theo phương châm doanh nghiệp hóa sản phẩm, liên kết hóa sản xuất, xã hội hóa nguồn lực đầu tư, phát triển sản xuất theo mô hình vừa tập trung, vừa phân tán tạo khối lượng hàng hóa lớn, đồng nhất chất lượng, tăng giá trị gia tăng.

<sup>12</sup> Ban QL khu bảo tồn thiên nhiên Kẽ Gỗ, Ban QL RPH Sông Tiêm, Vườn Quốc gia Vũ Quang.

<sup>13</sup> Hương Khê, Kỳ Anh,...

- *Thứ năm:* Tiếp tục cải cách hành chính, tháo gỡ mọi khó khăn, vướng mắc trong việc cho thuê đất, giao đất, cấp giấy CNQSD đất và thủ tục đầu tư để thu hút mạnh mẽ nguồn lực đầu tư phát triển sản xuất, đồng thời phải coi trọng phát huy nội lực, đặc biệt là về vốn, công nghệ, lao động, năng lực tổ chức thực hiện của doanh nghiệp và người dân nhằm phát triển nền nông nghiệp toàn diện theo hướng hiện đại.

## **Phần II**

### **KẾ HOẠCH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP NĂM 2015**

#### **I. MỘT SỐ THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN**

##### **1. Thuận lợi:**

- Đảng, Nhà nước, Quốc hội, Chính phủ, các bộ ngành Trung ương, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh dành sự quan tâm cao hơn trong chỉ đạo, ban hành đồng bộ cơ chế, chính sách và ưu tiên nguồn ngân sách thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, gắn với xây dựng nông thôn mới tạo nền tảng vững chắc cho phát triển sản xuất.

- Tái cơ cấu ngành nông nghiệp đạt được kết quả bước đầu, nhất là tổ chức sản xuất theo hướng doanh nghiệp hóa sản phẩm, liên kết hóa sản xuất, xã hội hóa đầu tư với mô hình vừa tập trung vừa phân tán tạo đà cho phát triển sản xuất, nâng cao giá trị gia tăng.

- Tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới (giống mới, kỹ thuật canh tác tiên tiến, cơ giới hóa,...) được áp dụng nhanh vào sản xuất, trong đó vai trò của doanh nghiệp ngày càng rõ nét.

##### **2. Khó khăn:**

- Biến đổi khí hậu ngày càng rõ nét, kèm theo thiên tai khó lường, dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi tiếp tục diễn biến phức tạp; đòi hỏi vừa có những ứng phó trước mắt kịp thời, vừa có chiến lược lâu dài hạn chế tối đa các thiệt hại;

- Kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn tuy đã được đầu tư nâng cấp nhưng chưa đáp ứng yêu cầu phục vụ sản xuất (quy hoạch, kênh mương thủy lợi, hệ thống điện, đường giao thông,...) tại các vùng sản xuất hàng hóa tập trung.

- Sản xuất gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ theo chuỗi giá trị chưa nhiều, hàng hóa nông sản chủ yếu đang ở dạng chế biến thô; công nghiệp chế biến tinh, chế biến sâu chưa phát triển mạnh nên giá trị gia tăng thấp, thiếu tính bền vững. Vai trò “đầu kéo” của doanh nghiệp trong sản xuất nông nghiệp chưa lớn, chỉ mới phát triển trên một số sản phẩm.

#### **II. MỘT SỐ CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH CHỦ YẾU**

##### **1. Các chỉ tiêu tổng quát**

Tốc độ tăng giá trị sản xuất đạt 5%/năm; giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản theo giá so sánh 2010 đạt 10.949 tỷ đồng, theo giá hiện hành 14.782 tỷ đồng, trong đó: Nông nghiệp 11.931 tỷ đồng, lâm nghiệp 1.147 tỷ đồng, thủy sản 1.704 tỷ đồng; sản lượng lương thực đạt trên 52 vạn tấn; giá trị sản xuất bình quân trên đơn vị diện tích canh tác đạt 70 triệu đồng/ha; tỷ trọng chăn nuôi đạt 45,2% trong

cơ cấu giá trị nông nghiệp; sản lượng thịt hơi các loại xuất chuồng 123.400 tấn; tổng sản lượng thủy sản 45.700 tấn; tỷ lệ độ che phủ rừng 52,9%. Phần đầu toàn tỉnh có thêm 10-15 xã đạt chuẩn nông thôn mới.

## **2. Một số chỉ tiêu cụ thể**

### **2.1. Các sản phẩm hàng hóa nông nghiệp chủ lực có lợi thế**

- Lợn: Tổng đàn 521.900 con, trong đó: Nuôi quy mô lớn liên kết 91.400 con (chiếm 17,5% tổng đàn), nuôi liên kết quy mô vừa và nhỏ 56.345 con (chiếm 10,7%); đàn nái ngoại 18.700, chiếm tỷ lệ 25% đàn nái; sản lượng thịt hơi xuất chuồng 93.158 tấn.

- Bò: Tổng đàn 217.500 con; Tỷ lệ bò Zê bu chiếm 38,9% tổng đàn; bò thịt chất lượng cao liên kết với Tổng công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh 6.000 con; bò sữa 3.000 con; chăn nuôi bò quy mô gia trại 680 mô hình; sản lượng thịt hơi xuất chuồng 13.050 tấn.

- Hươu: Tổng đàn 51.500 con, sản lượng nhung đạt 19,34 tấn;

- Tôm: Diện tích thả nuôi 2.160ha, gồm: Diện tích nuôi tôm sú 500ha, diện tích nuôi tôm thẻ chân trắng 1.660ha, trong đó diện tích nuôi tôm thâm canh, công nghệ cao 600ha; năng suất nuôi bình quân 19 tạ/ha, trong đó nuôi thâm canh công nghệ cao đạt 90 tạ/ha; sản lượng đạt 4.100 tấn;

- Rau củ quả thực phẩm: Diện tích 11.990ha, trong đó tổng diện tích liên kết sản xuất rau củ quả công nghệ cao trên đất cát ven biển và bãi bồi ven sông đạt 600ha; năng suất bình quân 78,07 tạ/ha; sản lượng 93.605 tấn;

- Cam: Trồng mới 446ha nâng tổng diện tích 3.060ha (diện tích cho sản phẩm 1.900ha), năng suất bình quân 84,3 tạ/ha, sản lượng 16.013 tấn;

- Bưởi: Trồng mới 256ha nâng tổng diện tích 1.690ha (diện tích cho sản phẩm 1.295ha), năng suất bình quân 90 tạ/ha, sản lượng 11.658 tấn.

### **2.2. Các sản phẩm nông nghiệp hàng hóa chủ lực khác:**

- Lúa: Diện tích 99.500ha, trong đó diện tích lúa hàng hóa, chất lượng 47.230ha; năng suất bình quân 52,07 tạ/ha; sản lượng cả năm 51,8 vạn tấn;

- Lạc: Diện tích 17.358ha, năng suất bình quân 24,43 tạ/ha, sản lượng 42.406 tấn;

- Chè công nghiệp: Diện tích 1.147ha (diện tích kinh doanh 875ha), năng suất bình quân 126 tạ/ha, sản lượng 11.026 tấn;

- Gia cầm: Tổng đàn 6,4 triệu con, sản lượng thịt hơi xuất chuồng 10.700 tấn, sản lượng trứng 232 triệu quả;

- Gỗ nguyên liệu rừng trồng: Diện tích trồng mới lại sau khi khai thác 6.399ha, sản lượng gỗ khai thác 290.000m<sup>3</sup>;

- Cao su: Diện tích trồng mới 1.000ha, trong đó cao su đại điền 475ha, cao su tiểu điền 525ha; diện tích cao su đưa vào kinh doanh khai thác mù 2.300ha, năng suất bình quân 1,1 tấn/ha, sản lượng mù khô 2.530 tấn;

- Thủy sản nuôi trồng, đánh bắt có giá trị kinh tế cao: Diện tích nuôi thủy sản nước ngọt 5.043ha, diện tích nuôi thủy sản nước mặn, lợ 2.737ha; sản lượng

nuôi trồng 13.534 tấn. Sản lượng khai thác 32.176 tấn; tổng số tàu cá 3.616 chiếc, trong đó đội tàu đánh bắt xa bờ (công suất trên 90CV) 200 chiếc.

### **2.3. Một số chỉ tiêu khác:**

- Ngô: Diện tích 9.774ha, năng suất 37,78 tạ/ha, sản lượng 36.930 tấn;
- Khoai lang: Diện tích 7.470, năng suất 66,62 tạ/ha, sản lượng 49.764 tấn;
- Đậu: Diện tích 10.726ha, năng suất 9,78 tạ/ha, sản lượng 10.488 tấn;
- Trâu: Tổng đàn 80.000 con;
- Trồng rừng phòng hộ, đặc dụng 999ha, trồng cây phân tán 4 triệu cây, chăm sóc rừng 12.555 ha, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh 1.706ha, khoán bảo vệ rừng 190.349ha; chuyển hóa rừng giống 100ha; khai thác nhựa thông 1.500 tấn;
- Diêm nghiệp: Diện tích sản xuất muối 140ha, sản lượng muối 18.500 tấn;
- Chuyển đổi và thành lập mới 100 hợp tác xã, 130 tổ hợp tác;

*(Chi tiết có phụ biểu kèm theo)*

## **III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

### **1. Đẩy mạnh thực hiện Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, gắn với xây dựng nông thôn mới**

Tập trung chỉ đạo thực hiện quyết liệt, có hiệu quả Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp Hà Tĩnh theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, gắn với xây dựng nông thôn mới, tạo chuyển biến rõ rệt về chuyển đổi mô hình tăng trưởng, phát triển các sản phẩm nông nghiệp hàng hóa chủ lực, nâng cao giá trị gia tăng. Ưu tiên hướng vào tổ chức lại sản xuất theo hướng doanh nghiệp hóa sản phẩm, liên kết hóa sản xuất và xã hội hóa đầu tư; thực hiện mô hình vừa tập trung, vừa phân tán, đồng nhất về giống, công nghệ sản xuất, để tạo sự đồng nhất về sản phẩm, tăng quy mô và chất lượng các sản phẩm nông nghiệp hàng hóa chủ lực, xây dựng thương hiệu, nâng cao lợi thế cạnh tranh trên thị trường. Cụ thể như sau:

#### **1.1. Công tác thông tin tuyên truyền**

Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền, phổ biến và quán triệt nội dung Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững đến toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân. Tạo đồng thuận cao trong cả hệ thống chính trị, cán bộ chuyên môn, quản lý nhà nước các cấp, các doanh nghiệp và người nông dân để từng bước thay đổi tư duy, tập quán sản xuất truyền thống sang phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn, gắn với việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi và hình thức tổ chức sản xuất nhằm khai thác hiệu quả tiềm năng đất đai, lao động, tăng thu nhập cho người dân.

#### **1.2. Công tác chỉ đạo, điều hành**

- Tập trung chỉ đạo triển khai các đề án, quy hoạch, chính sách đã ban hành; rà soát, điều chỉnh Quy hoạch 3 loại rừng tại các xã ven biển, điều chỉnh bổ sung Quy hoạch chăn nuôi lợn trang trại tập trung công nghiệp, lập Quy hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa kém hiệu quả; xây dựng và chỉ đạo thực hiện hiệu quả các Đề án sản xuất mùa vụ: Vụ Xuân, vụ Hè Thu - Mùa, vụ Đông; Đề án nuôi trồng thủy sản, Đề án khai thác thủy sản vụ Bắc, vụ Nam; Đề án tưới

phục vụ sản xuất nông nghiệp; các phương án: Phòng chống chống hạn, phòng cháy chữa cháy rừng, phương án phòng, chống lụt bão và giảm nhẹ thiên tai.

- Kịp thời tham mưu cho Thường trực Tỉnh ủy ban hành các Chỉ thị chỉ đạo sản xuất, triển khai có hiệu quả các giải pháp phòng, chống dịch bệnh, quản lý và bảo vệ rừng, phòng, chống lụt bão, tìm kiếm cứu nạn và các chính sách hỗ trợ khắc phục thiệt hại, nhanh chóng khôi phục sản xuất nông nghiệp do thiên tai gây ra.

- Phối hợp chặt chẽ với các ngành, đoàn thể, cấp ủy, chính quyền các địa phương tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn, chỉ đạo phát triển sản xuất; thành lập các đoàn công tác về địa bàn cơ sở đôn đốc và kiểm tra quá trình thực hiện.

**1.3. Tập trung chỉ đạo đẩy mạnh chuyển đổi mùa vụ, cơ cấu, giống, kỹ thuật, phương thức sản xuất theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, liên kết với doanh nghiệp, tạo chuỗi giá trị nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững**

#### **1.3.1. Cơ cấu mùa vụ, cây trồng**

- Mùa vụ: Tăng nhanh diện tích nuôi tôm vụ Thu Đông; cơ cấu giảm diện tích tôm sú, tăng diện tích tôm thẻ chân trắng, phát triển các đối tượng nuôi có giá trị kinh tế cao: cá bơn, cá mú, bào ngư, cá chẽm...

Sản xuất lúa: Chỉ còn 2 vụ, vụ Xuân và Hè Thu; trong đó, vụ Xuân chỉ cơ bản còn Xuân muộn chiếm trên 90% diện tích gieo cấy. Giảm số giống trong vụ, cơ cấu giống chủ lực chiếm trên 90% diện tích.

- Cơ cấu cây trồng: Bố trí cơ cấu giống, khung lịch thời vụ, phù hợp cho từng vụ, từng vùng, từng địa phương; thực hiện chế độ luân canh, xen canh phù hợp trên từng chân đất để nâng cao hệ số sử dụng đất. Mở rộng diện tích trồng rau, củ quả công nghệ cao trên vùng đất át ven biển, bãi bồi ven sông; cơ cấu cây trồng (rau, lạc, cây thức ăn chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản) trên diện tích trồng lúa kém hiệu quả để nâng cao giá trị gia tăng.

#### **1.3.2. Công tác giống**

- Giống lợn: Thực hiện tốt Kế hoạch 4111/KH-UBND ngày 01/12/2011 của UBND tỉnh, theo đó Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh mở rộng và đầu tư xây mới các cơ sở giống lợn để đảm bảo cung ứng đủ nhu cầu giống lợn cấp bố mẹ cho phát triển các cơ sở lợn nái, nhu cầu giống thương phẩm cho phát triển chăn nuôi liên kết quy mô lớn và tiếp tục cung ứng giống thương phẩm cho chăn nuôi quy mô vừa và nhỏ trong 6 tháng đầu năm 2015 trên địa bàn tỉnh. Các địa phương chủ động thu hút các nhà đầu tư xây dựng cơ sở giống lợn cấp bố mẹ quy mô 300 nái/cơ sở trở lên nhằm cung ứng đủ con giống đối với chăn nuôi lợn quy mô vừa và nhỏ theo hình thức liên kết với doanh nghiệp.

- Giống bò: Tiếp tục thực hiện Chương trình Zê bu hóa đàn bò bằng thụ tinh nhân tạo nhằm nâng cao thể vóc đàn và tạo đàn nái nền đủ điều kiện cho công tác lai tạo đàn bò thịt chất lượng cao. Chỉ đạo Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh triển khai thực hiện có hiệu quả Dự án phát triển đàn bò thịt chất lượng cao; đẩy mạnh công tác phối giống, phân đầu lai tạo được 5.000 con bò thịt chất lượng cao; nhập ngoại 1.500 – 2.000 con bò đàn hạt nhận và đàn nhân giống để tạo ra đàn bò chuyên thịt chất lượng cao 100% máu. Đẩy mạnh công tác nhân giống bò sữa tại Sơn Lễ (Hương Sơn) đảm bảo đủ giống theo tiến độ Dự án.

- Giống hươu: Đẩy mạnh công tác bình tuyển, nâng cao đàn hươu giống, từng bước hình thành trung tâm hươu giống tại huyện Hương Sơn.

- Tôm: Nâng cấp, xây dựng các cơ sở sản xuất giống theo hướng tiên tiến, hiện đại, đẩy nhanh tiến độ xây dựng Trại sản xuất tôm giống của Công ty Cổ phần Thủy sản Thông Thuận Hà Tĩnh để đưa vào sản xuất vào quý II năm 2015, bảo đảm chủ động về nguồn giống chất lượng cao trên địa bàn.

- Giống rau, củ, quả chất lượng cao: Chỉ đạo Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh, Công ty Fineton cung ứng, chuyên giao các giống rau, củ, quả có năng suất, chất lượng cao để phát triển sản xuất trên vùng đất cát ven biển và bãi bồi ven sông.

- Giống bưởi Phúc Trạch, cam chất lượng cao: Đẩy nhanh tiến độ, thực hiện có hiệu quả Dự án Bảo tồn, nhân giống, khôi phục và phát triển sản xuất cây bưởi Phúc Trạch và cam bù Hương Sơn để cung ứng giống có chất lượng cho sản xuất, từng bước đồng nhất về giống nhằm đồng nhất về sản phẩm. Khuyến khích các hộ gia đình sản xuất giống cam, bưởi Phúc Trạch từ mắt ghép các vườn đạt tiêu chuẩn.

- Giống lúa: Tiếp tục khảo nghiệm, tuyển chọn các giống mới có năng suất, chất lượng, kháng sâu bệnh, phù hợp với khí hậu thời tiết để bổ sung, thay thế các giống chủ lực. Chỉ đạo Công ty TNHH giống và VTNN Mitraco và các công ty giống trên địa bàn tỉnh hoàn thiện cơ sở hạ tầng, đầu tư trang thiết bị, hoàn thiện bộ máy, nâng cao năng lực quản lý, liên kết với các công ty giống có thương hiệu và người sản xuất tổ chức sản xuất và cung ứng giống đảm bảo mục tiêu, tiến độ Đề án Cơ cấu bộ giống lúa và tổ chức sản xuất giống lúa năng suất, chất lượng cao đến năm 2015, định hướng đến năm 2020.

- Giống cây lâm nghiệp: Khai thác có hiệu quả Trung tâm Giống cây lâm nghiệp chất lượng cao tại huyện Cẩm Xuyên, khuyến khích chủ các vườn ươm giống, rừng giống đầu tư, ứng dụng khoa học công nghệ, tổ chức sản xuất giống theo chuỗi hành trình giống cây lâm nghiệp nhằm đáp ứng nguồn giống cho phát triển rừng thâm canh.

- Giống cá có giá trị kinh tế cao: Ứng dụng, chuyên giao công nghệ sinh sản một số đối tượng mới như cá mú, cá bơn để triển khai nuôi thử nghiệm trên địa bàn tỉnh. Phát triển các cơ sở sản xuất ương nuôi giống nhân dân; bảo đảm chủ động đáp ứng về giống thủy sản nước ngọt cho người nuôi trong tỉnh.

### *1.3.3. Phương thức, quy trình sản xuất*

- Lĩnh vực trồng trọt: Chỉ đạo chuyển đổi, tích tụ ruộng đất quy mô lớn, hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung; áp dụng các tiến bộ kỹ thuật SRI, phòng trừ tổng hợp IPM (sản xuất lúa), quy trình VietGAP, tiến bộ ổn định ra hoa đậu quả trên bưởi Phúc Trạch...

- Chăn nuôi: Chuyển mạnh từ chăn nuôi nhỏ lẻ, phân tán sang phát triển chăn nuôi trang trại, gia trại tập trung liên kết với doanh nghiệp; hình thành các vùng chăn nuôi cách xa khu dân cư ở những địa bàn có điều kiện, vùng trà sơn, miền núi; đồng thời chỉnh trang vườn hộ, bố trí lại hợp lý chuồng trại, ứng dụng các quy

trình, công nghệ nuôi tiên tiến, sử dụng bể biogas xử lý chất thải, đảm bảo môi trường cho chăn nuôi vừa và nhỏ phát triển bền vững.

- Lâm nghiệp: Phát triển trồng rừng nguyên liệu theo hướng thâm canh, tăng diện tích thâm canh giống có năng suất, chất lượng cao, rừng nguyên liệu gỗ lớn, cây bản địa; khuyến khích phát triển lâm nghiệp đa chức năng, trồng rừng kết hợp chăn nuôi, trồng cây ăn quả.

- Thủy sản:

+ Nuôi trồng thủy sản: Phát triển mạnh các loại hình nuôi trồng thủy sản tập trung thâm canh công nghiệp, đặc biệt nuôi trên cát, nuôi trong ao đất lớt, vồ bờ xi măng; tiếp tục chuyển đổi diện tích ruộng trũng, kém hiệu quả sang nuôi trồng thủy sản; ứng dụng các giống mới, công nghệ mới vào nuôi trồng và sản xuất giống.

+ Khai thác thủy sản: Tiếp tục hỗ trợ đầu tư nâng cấp, cải hoán tàu thuyền; ứng dụng, chuyển giao các nghề mới, công nghệ mới vào khai thác hải sản xa bờ; xây dựng hệ thống thông tin nghề cá để hỗ trợ ngư dân kịp thời nắm bắt các thông tin về ngư trường, thời tiết góp phần đảm bảo an toàn và hiệu quả trong khi sản xuất trên biển.

*1.3.4. Tổ chức sản xuất:* Hỗ trợ thành lập HTX, tổ hợp tác, tổ cộng đồng, tổ đội đánh bắt trên biển liên kết với doanh nghiệp phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị hoặc một số khâu trong quá trình sản xuất tạo khối lượng sản phẩm lớn đồng nhất về chất lượng gắn với thương hiệu doanh nghiệp. Phát triển liên kết giữa các hộ sản xuất thành HTX, tổ hợp tác, giữa HTX, tổ hợp tác với doanh nghiệp, giữa các doanh nghiệp với nhau để hình thành các hiệp, hội, ngành hàng.

#### *1.3.5. Bảo quản, chế biến*

Khai thác hiệu quả Nhà máy chế biến súc sản Mitracó, xây dựng các cơ sở giết mổ gia súc tập trung theo đúng tiến độ phù hợp quy hoạch. Xây dựng hệ thống kho lạnh bảo quản rau, củ, quả chất lượng cao sản xuất trên vùng đất cát hoang hóa ven biển. Phát triển các cơ sở chế biến lúa gạo gắn với vùng nguyên liệu, đẩy nhanh tiến độ nhà máy xay xát gạo tại Thiên Lộc, huyện Can Lộc. Nâng cấp đổi mới công nghệ các cơ sở chế biến ván bóc, ván ép, ván sàn, ván ghép thanh, xúc tiến hình thành nhà máy sản xuất gỗ MDF. Duy trì, phát triển các làng nghề chế biến bún, bánh, mắm, đồ gỗ gắn với vùng nguyên liệu.

#### *1.3.6. Chính sách.*

Triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách của Trung ương, của tỉnh đã ban hành:

- Chính sách doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (Nghị định số 210/2013/NĐ-CP), Chính sách phát triển thủy sản (Nghị định số 67/2014/NĐ-CP); Chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn (Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg), Chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp (Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg), Chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015-2020 (Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg)...



- Chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp Hà Tĩnh theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, gắn với xây dựng nông thôn mới (Nghị quyết số 90/2014/NQ-HĐND), Chính sách hỗ trợ tiêu thụ một số sản phẩm chủ yếu sản xuất trong tỉnh đến năm 2020 (Nghị quyết số 91/2014/NQ-HĐND), Chính sách hỗ trợ lãi vay vốn tại các tổ chức tín dụng để phát triển sản xuất từ nguồn vốn Chương trình MTQG xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh (Quyết định số 23/2014/QĐ-UBND), Chính sách đặc thù hỗ trợ đầu tư xây mới, mở rộng quy mô các cơ sở lợn giống ngoại (100% máu ngoại) để cung ứng giống cho phát triển chăn nuôi quy mô vừa và nhỏ thông qua HTX và tổ hợp tác (Quyết định số 2811/QĐ-UBND)...

## **2. Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất**

- Tiếp tục tăng cường thu hút, xã hội hóa các nguồn lực đầu tư xây dựng, nâng cấp các cơ sở hạ tầng (cơ sở giống, thủy lợi, điện, đường giao thông,...) phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp, gắn với xây dựng nông thôn mới. Xây dựng và chỉ đạo triển khai kế hoạch thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành Thủy lợi.

- Tiếp tục tập trung triển khai có hiệu quả Đề án kiên cố hóa hệ thống kênh mương thủy lợi nội đồng, Đề án phát triển giao thông nông thôn.

- Tập trung hoàn thành nâng cấp, sửa chữa các hồ: Khe Con - Họ Võ (Hương Khê), Tân Phong, Cây Trâm, Gò Đá (Kỳ Anh), Miếu Lớn (Can Lộc); tiếp tục đầu tư nâng cấp các hồ chứa: Nước Xanh, Khe Bò (Kỳ Anh), Khe Dẻ, Khe Cò, Trang Riêng (Hương Sơn), Mục Bài, Đập Làng, Đập Trạng (Hương Khê), An Hùng, Đồng Hồ, Cỏ Châu (Can Lộc). Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình, dự án: Hệ thống thủy lợi Ngàn Trươi- Cẩm Trang, Kênh trục Sông Nghèn, nâng cấp Đê La Giang, đê Phúc-Long-Nhượng, đường lâm nghiệp, cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá; triển khai dự án nông nghiệp có tưới (WB7).

- Xây dựng và chỉ đạo triển khai tốt các Đề án tưới nước phục vụ sản xuất nông nghiệp vụ Xuân, Hè Thu - Mùa; tổ chức phát động phong trào làm giao thông thủy lợi nội đồng.

## **3. Đẩy mạnh công tác khuyến nông, đào tạo nghề, ứng dụng khoa học công nghệ, áp dụng cơ giới hóa vào sản xuất**

- Chuyển giao tiến bộ kỹ thuật về giống, công nghệ mới, áp dụng các quy trình tiên tiến vào sản xuất, bảo quản, chế biến, gắn với phát triển liên kết vùng theo điều kiện sinh thái; phát triển các nghề mới trong khai thác hải sản trên biển: lồng bẫy, chụp mực, chụp cá, rê khơi, câu khơi,...

- Tăng cường hoạt động hệ thống khuyến nông cơ sở, đẩy mạnh xây dựng mô hình, chuyên gia, ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ mới, đặc biệt là công nghệ sinh học, công nghệ sản xuất sạch, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường nhằm thực hiện chủ trương tái cơ cấu ngành.

- Tiếp tục xây dựng và nhân rộng mô hình ứng dụng cơ giới vào sản xuất: máy làm đất; công cụ sạ hàng; máy gặt đập liên hợp; hệ thống sấy khô, máy móc thiết bị vận chuyển, hệ thống sục oxy đáy trong nuôi trồng thủy sản,...

- Tập trung thực hiện có hiệu quả Đề án đào tạo nghề cho lao động nông nghiệp, nông thôn theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ

tướng Chính phủ; trên cơ sở điều tra, khảo sát và xây dựng kế hoạch tổng thể nhu cầu đào tạo nhân lực lao động phục vụ phát triển sản xuất của từng vùng, lĩnh vực và sản phẩm hàng hóa nông nghiệp chủ lực của tỉnh.

#### **4. Phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm**

- Tạo môi trường thuận lợi, thu hút các doanh nghiệp đầu tư phát triển sản xuất gắn với chế biến, kết nối thị trường tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi; mỗi sản phẩm hàng hóa nông nghiệp chủ lực gắn với một số doanh nghiệp, tập đoàn lớn làm “đầu kéo” tạo động lực thúc đẩy sản xuất phát triển.

- Tiếp tục duy trì các thị trường truyền thống, đẩy mạnh nghiên cứu, tìm hiểu các thị trường tiêu thụ mới (tại các thành phố lớn, khu công nghiệp,...) phát triển các sản phẩm nông nghiệp hàng hóa chủ lực của tỉnh có lợi thế, như: Bò, lợn, tôm, bưởi Phúc Trạch, cam chất lượng cao,...

- Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại, hỗ trợ xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý, cải tiến mẫu mã bao bì.

- Xúc tiến thành lập các hiệp hội ngành, hàng để điều phối, gắn kết hoạt động sản xuất, hỗ trợ thông tin, tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm, bảo vệ lợi ích người sản xuất.

#### **5. Tăng cường công tác quản lý nhà nước**

- Quản lý chặt chẽ công tác du nhập, khảo nghiệm, đưa các giống mới vào sản xuất thử đảm bảo chấp hành nghiêm các quy định của Pháp lệnh Giống cây trồng và các văn bản quản lý nhà nước về giống cây trồng; quản lý hoạt động kinh doanh, cung ứng giống trên địa bàn, kịp thời phát hiện và xử lý đối tượng vi phạm kinh doanh giống không đảm bảo chất lượng, quy chuẩn.

- Tăng cường công tác bảo vệ thực vật, chủ động bám sát đồng ruộng, điều tra, phát hiện dự tính, dự báo kịp thời, chính xác các đối tượng dịch hại phát sinh và hướng dẫn các biện pháp phòng trừ có hiệu quả đến địa phương và người dân.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Đề án phòng chống một số dịch bệnh nguy hiểm trong chăn nuôi và nuôi tôm, giám sát chặt chẽ các loại dịch bệnh, phát hiện sớm và tổ chức chỉ đạo triển khai đồng bộ các giải pháp phòng chống, dập dịch kịp thời, không để lây lan ra diện rộng. Tăng cường công tác kiểm dịch, kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y, kiên quyết không để tái trở lại tình trạng lãn đẩu thu lệ phí tại các chợ. Quản lý có hiệu quả hành nghề và kinh doanh thuốc thú y.

- Tăng cường công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, tổ chức triển khai có hiệu quả Chương trình MTQG vệ sinh an toàn thực phẩm; thực hiện tốt công tác kiểm tra, đánh giá, phân loại các cơ sở sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp, giám sát an toàn vệ sinh thực phẩm các hàng hóa nông sản, thủy sản theo chuỗi sản phẩm.

- Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ rừng, làm tốt công tác bảo vệ rừng tại gốc, tuần tra các điểm nóng khai thác, vận chuyển lâm sản trái phép; kiểm tra các cơ sở chế biến lâm sản, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm. Triển khai đồng bộ phương án phòng cháy chữa cháy rừng từ tỉnh đến huyện, xã, chủ rừng; tổ chức thường trực PCCC 24/24 giờ, phát hiện, xử lý kịp thời các vụ cháy. Hoàn thành việc giao đất, cho thuê đất gắn với giao rừng, cho thuê rừng đúng tiến độ.

- Tập trung chỉ đạo các hộ nuôi trên toàn tỉnh thả giống, theo dõi, chăm sóc, quản lý và tổ chức thu hoạch bám sát mùa vụ. Làm tốt công tác kiểm dịch, phòng chống dịch bệnh và bảo vệ môi trường nuôi trồng thủy sản. Tổ chức tốt công tác đăng ký, đăng kiểm và quản lý tàu cá, cấp giấy phép khai thác thủy sản; tăng cường công tác tuần tra giám sát hoạt động nghề cá trên biển.

- Tuyên truyền, thực hiện tốt Luật Đê điều, Pháp lệnh Khai thác bảo vệ công trình thủy lợi; xây dựng phương án và tổ chức thực hiện tốt công tác phòng chống lụt bão, tìm kiếm cứu nạn, giảm nhẹ thiên tai.

#### **6. Tiếp tục ưu tiên thỏa đáng vốn đầu tư thực hiện các chính sách, chương trình, dự án và xây dựng các quy hoạch Ngành:**

- Ưu tiên lớn bố trí kinh phí thực hiện chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp, nông thôn thực hiện tái cơ cấu khoảng 169 tỷ đồng;

- Kinh phí xây dựng quy hoạch ngành: Dự kiến 8.119 triệu đồng (trong đó kinh phí trả nợ các quy hoạch đã hoàn thành nhưng còn thiếu 3.319 triệu đồng);

- Kinh phí xây dựng các mô hình khuyến nông, dự kiến khoảng 5 tỷ đồng;

- Ưu tiên bố trí kinh phí thực hiện các dự án giống cây trồng, giống chăn nuôi và giống thủy sản; vốn đối ứng cho các dự án nguồn vốn ODA,... Ngoài ra, kịp thời ưu tiên kinh phí thực hiện các chính sách hỗ trợ khôi phục sản xuất khi có dịch bệnh, thiên tai xảy ra.

#### **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Căn cứ kế hoạch sản xuất của tỉnh tham mưu xây dựng Đề án sản xuất từng mùa vụ; phối hợp các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố, thị xã, chỉ đạo hướng dẫn thực hiện; tăng cường công tác quản lý nhà nước, chỉ đạo các tổ chức, cá nhân chuẩn bị đủ số lượng và chất lượng giống, vật tư hàng hóa phục vụ sản xuất; chủ động tham mưu chính sách hỗ trợ sản xuất khi gặp thiên tai, dịch bệnh.

- Các huyện, thành phố, thị xã: Căn cứ Đề án Tái cơ cấu, Kế hoạch sản xuất năm 2015, Đề án sản xuất từng mùa vụ của tỉnh; xây dựng Đề án sản xuất phù hợp điều kiện cụ thể của địa phương mình để tập trung tuyên truyền, chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện.

- Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các địa phương tiếp tục chỉ đạo thực hiện chuyển đổi, tích tụ ruộng đất; tham mưu UBND tỉnh giải quyết kịp thời, đúng quy định những vấn đề liên quan đến đất đai; hướng dẫn các thủ tục, hồ sơ liên quan và thực hiện việc giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển sản xuất; thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước về môi trường.

- Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu trình UBND tỉnh cân đối bố trí ngân sách để thực hiện các chính sách phát triển sản xuất đã ban hành; hướng dẫn, kiểm tra, thanh quyết toán nguồn kinh phí theo quy định.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh bố trí, lồng ghép các nguồn vốn đầu tư để thực hiện kế hoạch; tăng cường xúc tiến đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, đặc biệt là chế biến, tiêu thụ sản phẩm hàng hóa nông nghiệp chủ lực.

- Sở Công Thương: Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố xây dựng kế hoạch cụ thể về giải pháp thị trường, xúc tiến thương mại tiêu thụ sản phẩm.

- Sở Khoa học và Công nghệ: Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng các mô hình ứng dụng, nhân rộng tiến bộ khoa học công nghệ mới vào sản xuất nông nghiệp; bố trí lồng ghép kinh phí sự nghiệp khoa học công nghệ để thực hiện.

- Ngân hàng Nhà nước tỉnh chỉ đạo, đôn đốc các ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh có phương án, lộ trình, tạo điều kiện thuận lợi nhất để các tổ chức, cá nhân được vay vốn phát triển sản xuất nông nghiệp.

- Các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh sản phẩm nông nghiệp tăng cường liên doanh, liên kết phát triển sản xuất, có kế hoạch, ký kết hợp đồng thu mua, tiêu thụ sản phẩm từ đầu vụ sản xuất.

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tuyên truyền, vận động nhân dân hăng hái thi đua lao động sản xuất.

- Các cơ quan thông tin đại chúng đưa tin, phản ánh và tuyên truyền kịp thời Chỉ thị của Tỉnh ủy, Đề án, Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh và các điển hình sản xuất kinh doanh có hiệu quả./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH**

**BIỂU 01: TỔNG HỢP KẾT QUẢ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP NĂM 2014 VÀ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT NĂM 2015**

DANH MỤC	ĐVT	Thực hiện 2013	Năm 2014		Kế hoạch 2015	So sánh KH 2015/TH 2014 (%)	So sánh TH/KH 2014 (%)	So sánh TH 2014/ 2013 (%)
			Kế hoạch	Ước thực hiện cả năm				
1	2	3	4	5	6	7		
<b>A. GIÁ TRỊ SẢN XUẤT:</b>								
<b>I. Tổng giá trị sản xuất (theo giá so sánh 2010)</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>10.036</b>	<b>10.605</b>	<b>10.472</b>	<b>10.995</b>	<b>105,00</b>	<b>98,7</b>	<b>104,34</b>
<i>Trong đó:</i>								
<b>1. Nông nghiệp:</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>8.178</b>	<b>8.713</b>	<b>8.526</b>	<b>8.945</b>	<b>104,9</b>	<b>97,8</b>	<b>104,3</b>
- Trồng trọt	"	4.738	4.785	4.755	4.853	102,1	99,4	100,4
- Chăn nuôi	"	3.138	3.623	3.445	3.740	108,6	95,1	109,8
- Dịch vụ	"	302	305	326	352	108,0	106,9	108,0
<b>2. Lâm nghiệp:</b>	<b>"</b>	<b>735</b>	<b>737</b>	<b>771</b>	<b>810</b>	<b>105,0</b>	<b>104,6</b>	<b>105,0</b>
- Khai thác gỗ và lâm sản	"	646	647	676	710	105,0	104,5	104,7
- Lâm sinh và dịch vụ lâm nghiệp	"	89	90	95	100	105,3	105,0	107,0
<b>3. Thủy sản:</b>	<b>"</b>	<b>1.123</b>	<b>1.154</b>	<b>1.175</b>	<b>1.240</b>	<b>105,6</b>	<b>101,8</b>	<b>104,6</b>
- Nuôi trồng	"	478	570	497	522	105,0	87,2	104,0
- Khai thác	"	646	584	678	719	106,0	116,0	105,0
<b>II. Tổng giá trị sản xuất (theo giá hiện hành)</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>13.372</b>	<b>14.316</b>	<b>14.137</b>	<b>14.844</b>	<b>105,0</b>	<b>98,7</b>	<b>105,7</b>
<i>Trong đó:</i>								
<b>I. Nông nghiệp:</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>10.758</b>	<b>11.637</b>	<b>11.431</b>	<b>11.993</b>	<b>104,9</b>	<b>98,2</b>	<b>106,3</b>
- Trồng trọt	"	5.804	5.981	5.944	6.066	102,1	99,4	102,4
- Chăn nuôi	"	4.472	5.247	5.050	5.455	108,0	96,2	112,9
- Dịch vụ	"	482	409	437	472	108,0	106,9	90,7

<b>2. Lâm nghiệp</b>				<b>1.010</b>	<b>1.044</b>	<b>1.092</b>	<b>1.147</b>	<b>105,0</b>	<b>104,6</b>	<b>108,1</b>
- Khai thác gỗ và lâm sản	"	897	916	958	1.006	1.006	105,0	104,5	106,8	
- Lâm sinh và dịch vụ lâm nghiệp	"	114	128	135	141	104,9	105,2	118,5		
<b>3. Thủy sản</b>				<b>1.604</b>	<b>1.635</b>	<b>1.614</b>	<b>1.704</b>	<b>105,6</b>	<b>98,7</b>	<b>100,6</b>
- Nuôi trồng	"	691	807	683	717	105,0	84,5	98,8		
- Khai thác	"	913	828	931	987	106,0	112,5	102,0		
<b>III. Giá trị sản xuất trên đơn vị diện tích</b>	<b>Tr.đ/ha</b>	<b>62</b>	<b>65</b>	<b>65</b>	<b>70</b>	<b>107,7</b>	<b>100,0</b>	<b>104,8</b>		
<b>B. CHỈ TIÊU SẢN XUẤT</b>										
<b>I. CÁC SẢN PHẨM HÀNG HÓA CHỦ LỰC</b>										
<b>1. Nhóm sản phẩm có lợi thế, ưu tiên phát triển</b>										
<b>1.1. Chăn nuôi lợn</b>										
a) Tổng đàn, chất lượng đàn:	Con	400.030	473.270	473.270	521.900	110,3	100,0	118,3		
- Lợn nái	Con	51.297	71.400	71.400	93.941	131,6	100,0	139,2		
Trong đó nái ngoài	Con	8.208	11.900	11.900	23.500	197,5	100,0	145,0		
<i>Chiếm % tổng đàn nái</i>		16	17	17	25	147,1	100,0	106,3		
- Lợn đực giống	Con	410	430	551	610	110,7	128,1	134,4		
- Lợn thịt	Con	348.323	401.440	401.319	427.449	106,5	100,0	115,2		
b) Sản lượng thịt lợn xuất chuồng:	Tấn	57.363	65.900	<b>65.900</b>	<b>93.158</b>	<b>141,4</b>	<b>100,0</b>	<b>114,9</b>		
<b>1.2. Chăn nuôi bò</b>										
a) Tổng đàn, chất lượng đàn:	Con	161.888	203.000	192.850	217.500	112,8	95,0	119,1		
Trong đó: Bò Zebu	Con	56.661	75.110	71.248	84.594	118,7	94,9	125,7		
<i>Chiếm % tổng đàn bò</i>		35,0	37,0	36,9	38,9	105,3	99,9	105,6		
b) Sản lượng thịt bò xuất chuồng	Tấn	6.385	7.897	<b>7.500</b>	<b>13.050</b>	<b>174,0</b>	<b>95,0</b>	<b>117,5</b>		
<b>1.3. Chăn nuôi hươu</b>										

- Tổng đàn	Con	34.199	41.500	39.800	51.500	129	96	116
- Sản lượng nhưng	Tấn	12,30	15,31	14,32	19,34	135,06	93,51	116,42
<b>1.4. Nuôi tôm</b>								
a) Diện tích thả nuôi:	Ha	2.050	2.064	2.064	2.160	104,7	100,0	100,7
-Phân theo đối tượng nuôi	Ha	2.050	2.064	2.064	2.160	104,7	100,0	100,7
+ Tôm sú	Ha	670	575	600	500	83,3	104,3	89,6
+Tôm thẻ chân trắng	Ha	1.380	1.489	1.464	1.660	113,4	98,3	106,1
+ Nuôi các loại tôm khác	Ha	0	0	0	0	0		
- <i>Phân theo hình thức nuôi</i>	Ha	2.050	2.064	2.064	2.160	104,7	100,0	100,7
+ Nuôi thâm canh, CNC	Ha	300	430	431	600	139,2	100,2	143,7
<i>Trong đó: Nuôi tôm trên cát</i>	Ha	47	130	91	190	208,8	70,0	193,6
+ Nuôi bán thâm canh, quảng canh	Ha	310	310	310	350	112,9	100,0	100,0
+ Nuôi QC, QCCT	Ha	1.440	1.324	1.323	1.210	91,5	99,9	91,9
b) Năng suất	Tạ/ha	11,76	17,9	15,02	18,98	126,4	83,9	127,8
- Tôm sú	Tạ/ha	10,12	7,4	6,67	6,00	90,0	90,1	65,9
- Tôm thẻ chân trắng	Tạ/ha	12,55	22,0	18,44	22,89	124,1	83,8	146,9
c) Sản lượng tôm	Tấn	2.410	3.100	3.100	4.100	132,3	100,0	128,6
- Tôm sú	Tấn	678	424	400	300	75,0	94,3	59,0
- Tôm thẻ chân trắng	Tấn	1.732	3.276	2.700	3.800	140,7	82,4	155,9
<b>1.5. Rau, củ, quả thực phẩm các loại:</b>								
- Diện tích	Ha	9.800	11.600	10.832	11.990	110,7	93,4	110,5
<i>Trong đó: DT sản xuất công nghệ cao trên cát</i>	Ha	24	100	185	600	324,6	184,7	769,6
- Năng suất	Tạ/ha	61,99	68,58	65,58	78,07	119,0	95,6	105,8

	- Sản lượng	Tấn	60.751	79.547	71.036	93.605	131,8	89,3	116,9
<b>1.6. Cây cam:</b>									
	- Diện tích	Ha	2.538	2.638	2.744	3.060	104,0	104,0	108,1
	- Diện tích trồng mới	Ha	100	100	217	446	100,0	217,0	217,0
	- Diện tích cho sản phẩm	Ha	1.706	2.000	1.750	1.900	108,1	87,5	102,6
	- Năng suất	Tạ/ha	83,68	85,00	82,38	84,28	101,2	96,9	98,4
	- Sản lượng	Tấn	14.276	17.000	14.417	16.013	109,4	84,8	101,0
<b>1.7. Cây bưởi</b>									
	- Diện tích	Ha	1.360	1.410	1.434	1.690	102,8	101,7	105,4
	- Diện tích trồng mới	Ha	80	50	127	256	41,7	254,0	158,8
	- Diện tích cho sản phẩm	Ha	1.109	1.270	1.092	1.295	101,6	86,0	98,5
	- Năng suất	Tạ/ha	86,15	90,0	88,88	90,0	90,0	98,8	103,2
	- Sản lượng	Tấn	9.554	11.430	9.705	11.658	91,4	84,9	101,6
<b>2. Nhóm sản phẩm phát triển cơ cấu hợp lý</b>									
<b>2.1. Cây lúa:</b>									
<b>a) Cả năm:</b>									
	- Diện tích	Ha	98.674	95.860	100.981	99.500	98,5	105,3	102,3
	- Năng suất	Tạ/ha	48,55	51,75	50,39	52,07	103,3	97,4	103,8
	- Sản lượng	Tấn	479.021	496.056	508.853	518.093	101,8	102,6	106,2
<i>Trong đó lúa hàng hóa, chất lượng:</i>									
	- Diện tích	Ha	15.000	42.400	37.570	47.230	125,7	88,6	250,5
	- Năng suất	Tạ/ha	49,0	31,8	51,08	51,07	100,0	160,8	104,2
	- Sản lượng	Tấn	73.530	134.717	191.891	241.184	125,7	142,4	261,0
<i>* Lúa vụ Xuân:</i>									
	- Diện tích	Ha	55.398	54.660	56.619	55.600	98,2	103,6	102,2
	- Năng suất	Tạ/ha	54,9	56,34	56,09	58,02	103,4	99,6	102,2



- Sản lượng	Tấn	303.913	307.930	317.597	322.603	101,6	103,1	104,5
<i>Trong đó lúa hàng hóa, chất lượng:</i>	<i>Hà</i>	6.700	24.300	19.608	23.713	120,9	80,7	292,7
- Năng suất	Tạ/ha	54,0	56,0	56	56	100,2	100,0	103,7
- Sản lượng	Tấn	36.180	52.000	109.805	133.006	121,1	211,2	303,5
* Lúa Hà thu:	<i>Hà</i>	41.258	41.200	42.760	42.550	99,5	103,8	103,6
- Năng suất	Tạ/ha	41,57	45,7	44,04	45,22	102,7	96,4	105,9
- Sản lượng	Tấn	171.490	188.126	188.312	192.430	102,2	100,1	109,8
<i>Trong đó lúa hàng hóa, chất lượng:</i>	<i>Hà</i>	8.300	18.100	17.962	23.517	130,9	99,2	216,4
- Năng suất	Tạ/ha	45,0	45,70	45,70	46,00	100,7	100,0	101,6
- Sản lượng	Tấn	37.350	82.717	82.086	108.178	131,8	99,2	219,8
* Lúa Mùa:	<i>Hà</i>	2.018		1.602	1.350	84,3		79,4
- Năng suất	Tạ/ha	17,93		18,37	22,67	123,4		102,5
- Sản lượng	Tấn	3.618		2.943	3.060	104,0		81,3
<b>2.2. Cây lạc</b>								
- Diện tích	Hà	17.299	18.715	17.344	17.358	100,1	92,7	100,3
- Năng suất	Tạ/ha	23,6	24,33	22,06	24,43	110,7	90,7	103,7
- Sản lượng	Tấn	40.760	45.537	38.268	42.406	110,8	84,0	93,9
<b>2.3. Cây chè công nghiệp:</b>								
- Tổng diện tích	Hà	960	1.257	1.007	1.147	113,9	80,1	119,5
- Diện tích trồng mới	Hà	100	80	38	140	368,4	47,5	140,0
- Diện tích kinh doanh	Hà	860	900	849	875	103,1	94,3	101,7
- Năng suất	Tạ/ha	72	73,0	102	126	123,3	139,9	175,0
- Sản lượng búp tươi	Tấn	6.192	6.570	8.673	11.026	127,1	132,0	178,1

<b>2.4. Chăn nuôi gia cầm:</b>										
- Tổng đàn	1000con	6.065	6.100	6.100	6.400	104,9	100,6	100,6		
- Sản lượng thịt xuất chuồng	Tấn	10.292	10.500	<b>10.500</b>	<b>10.700</b>	101,9	102,0	102,0		
- Sản lượng trứng	1000 quả	210.339	220.000	<b>220.000</b>	<b>232.000</b>	105,5	100,0	104,6		
<b>2.5. Gỗ rừng trồng nguyên liệu</b>										
- Diện tích trồng rừng sản xuất tập trung	Ha	5.511	4.000	<b>5.728</b>	<b>6.399</b>	94,3	143,2	103,9		
- Sản lượng gỗ khai thác	m <sup>3</sup>	333.850	285.000	<b>285.000</b>	<b>290.000</b>	101,8	100	85,4		
<b>2.6. Cây cao su:</b>										
- Tổng diện tích	Ha	10.720	14.173	11.720	12.720	100,8	82,7	109,3		
- Diện tích trồng mới	Ha	1.200	2.403	<b>1.000</b>	<b>1.000</b>	100,0	41,6	83,3		
- Diện tích khai thác mù	Ha	2.667	3.200	1.971	2.300	117,0	61,6	73,9		
- Năng suất mù khô	Tấn/ha	1,0	1,03	1,0	1,1		97,1	100,0		
- Sản lượng mù khô	Tấn	2.667	3.296	1.971	2.530	128,0	59,8	73,9		
<b>II. CÁC CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KHÁC</b>										
<b>1. Lĩnh vực Trồng trọt:</b>										
<b>1.1. Ngô:</b>										
- Diện tích	Ha	7.727	8.885	<b>8.326</b>	<b>9.774</b>	117,4	93,7	107,7		
- Năng suất	Tạ/ha	34,84	39,16	<b>36,11</b>	<b>37,78</b>	104,6	92,2	103,6		
- Sản lượng	Tấn	26.921	34.793	<b>30.063</b>	<b>36.930</b>	122,8	86,4	111,7		
<b>1.2. Khoai lang:</b>										
- Diện tích	Ha	6.728	9.790	<b>7.359</b>	<b>7.470</b>	101,5	75,2	109,4		
- Năng suất	Tạ/ha	58,58	69,54	<b>64,2</b>	<b>66,62</b>	103,8	92,3	109,6		
- Sản lượng	Tấn	39.413	68.076	<b>47.241</b>	<b>49.764</b>	105,3	69,4	119,9		

<b>1.3. Đậu hạt các loại:</b>										
	- Diện tích	Ha	9.102	11.279	7.740	10.726	138,6	68,6	85,0	
	- Năng suất	Tạ/ha	7,95	10,11	8,57	9,78	114,1	84,7	107,8	
	- Sản lượng	Tấn	7.236	11.406	6.632	10.487	158,1	58,1	91,6	
<b>2. Lĩnh vực Chăn nuôi:</b>										
<b>2.1. Trâu:</b>										
	- Tổng đàn:	Con	78.600	99.700	79.270	80.000	100,9	79,5	100,9	
	- Sản lượng thịt xuất chuồng	Tấn	3.644	3.503	3.900	6.488	166,4	111,3	107,0	
<b>2.2. Tổng sản lượng thịt hơi các loại xuất chuồng</b>										
		Tấn	78.584	87.800	87.800	123.396	140,5	100,0	111,7	
<b>3. Lĩnh vực Lâm nghiệp:</b>										
<b>3.1. Lâm sinh:</b>										
	- Khoán bảo vệ rừng	Ha	62.271	101.571	202.996	190.349	94,0	199,9	326,0	
	- Khoanh nuôi tái sinh rừng	Ha	1.064	6.900	1.064	1.706	160,0	100,0	100,0	
	- Trồng rừng phòng hộ, đặc dụng	Ha	733	350	1.329	999	78,0	379,7	181,3	
	- Trồng cây phân tán	Triệu cây	6	4	4	4	100,0	100,0	66,7	
	+ Chăm sóc rừng	Ha	10.850	1.516	10.233	12.555	122,7	675,0	94,3	
	+ Chuyển hóa rừng giống	ha	100	100	100	100	100,0	100,0	100,0	
	- Độ che phủ rừng	%	50,0	50,3	52,5	52,9	100,8	104,4	105,0	
<b>3.2. Sản lượng nhựa thông</b>										
		Tấn	843	1.550	1.500	1.500	100	97	177,9	
<b>4. Lĩnh vực Thủy sản:</b>										
	Tổng sản lượng thủy sản	Tấn	42.094	43.400	43.400	45.710	105,3	100,0	103,1	
<b>4.1. Vê nuôi trồng</b>										

<b>a) Diện tích nuôi trồng thủy sản:</b>									
<b>- Diện tích nuôi ngọt</b>									
Trong đó: Thể tích nuôi cá lồng bè									
<b>- Diện tích nuôi mặn lợ</b>									
Trong đó: Nuôi cá và các đối tượng khác, gồm:									
+ Nuôi cá									
+ Nuôi các đối tượng khác									
<b>b) Sản lượng nuôi trồng</b>									
- Sản lượng nuôi ngọt									
Trong đó: Sản lượng nuôi cá lồng bè									
- Sản lượng nuôi mặn, lợ:									
<b>c) Sản xuất và ương dưỡng giống</b>									
- Tôm									
- Cá									
- Đối tượng khác									
<b>4.2. Về khai thác thủy sản:</b>									
<b>a) Sản lượng khai thác</b>									
- Sản lượng khai thác biển									
+ Khai thác xa bờ									
+ Khai thác vùng lòng									
+ Khai thác vùng ven bờ									
- Khai thác nội địa									
<b>b) Năng lực sản xuất tàu thuyền</b>									
	Ha	7.870	7.730	7.730	7.780	100,6	100,0	98,2	
	Ha	5.080	5.043	5.043	5.043	100,0	100,0	99,3	
	m3	12.200	14.000	14.000	15.000	107,1	100,0	114,8	
	Ha	2.790	2.687	2.687	2.737	101,9	100,0	96,3	
	Ha	740	623	623	577	92,6	100,0	84,2	
	Ha	170	180	180	200	111,1	100,0	105,9	
	Ha	570	443	443	377	85,1	100,0	77,7	
	tấn	11.949	12.800	12.800	13.534	105,7	100,0	107,1	
	tấn	6.736	6.800	6.800	6.934	102,0	100,0	101,0	
	lấn	85	105	105	140	133,3	100,0	123,5	
	tấn	5.213	6.000	6.000	6.600	110,0	100,0	115,1	
	tr. Con	135,6	130	168,1	435,5	259,1	129,3	124,0	
	tr.con	67	100	120	380	316,7	120,0	179,1	
	tr.con	17,6	25	43	50	116,3	172,0	244,3	
	tr.con	51	5	5,1	5,5	107,8	102,0	10,0	
	Tấn	30.145	30.600	30.600	32.176	105,2	100,0	101,5	
	Tấn	27.045	27.600	27.600	29.076	105,3	100,0	102,1	
	Tấn	6.761	6.900	6.900	7.910	114,6	100,0	102,1	
	Tấn	10.818	11.040	11.040	11.636	105,4	100,0	102,1	
	Tấn	9.466	9.660	9.660	9.530	98,7	100,0	102,0	
	Tấn	3.100	3.000	3.000	3.100	103,3	100,0	96,8	

- Tổng số lượng tàu thuyền	Chiếc	3.892	3.728	3.728	3.616	97,0	100,0	95,8
- Tổng công suất	CV	94.600	97.300	97.300	163.300	167,8	100,0	102,9
- Phân theo cơ cấu đội tàu								
+ <i>Đội tàu khai thác xa bờ (trên 90CV)</i>	Chiếc	121	160	160	200	125,0	100,0	132,2
+ <i>Đội tàu khai thác vùng lòng</i>	Chiếc	831	855	855	873	102,1	100,0	102,9
+ <i>Đội tàu khai thác vùng bờ</i>	Chiếc	2.940	2.713	2.713	2.543	93,7	100,0	92,3
<b>5. Diêm nghiệp</b>								
- Diện tích đồng muối đưa vào sản xuất	Ha	140	160	140	140	100,0	87,5	100,0
- Năng suất	Tấn/ha	125	119	128,6	132	102,6	108	102,9
- Sản lượng muối sản xuất	Tấn	17.500	19.000	18.000	18.500	102,8	95	102,9
Tr. đó: SL muối đưa vào chế biến	Tấn	8.000	10.000	8.500	9.000	105,9	85	106,3

**UBND TỈNH HÀ TĨNH**